

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BGI  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 28/3/2022  
V/v “Ly hôn, tranh về chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BGI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Môn và ông Nguyễn Văn Tư

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BGI

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGI tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/02/2022 giữa các đương sự:

***\*Nguyên đơn:*** Chị Đào Thị H1, sinh năm 1984

HKTT: Lô 47, làn 2, đường ThNhTr, tổ 4, phường MĐ, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 5D6, tòa nhà CT1, chung cư Green City, phường ThX, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang.

***\*Bị đơn:*** Anh Phạm Văn H2, sinh năm 1982

Địa chỉ: Lô 47, làn 2, đường ThNhTr, tổ 4, phường MĐ, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang.

*(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đào Thị H1 trình bày: Chị và anh Phạm Văn H2 kết hôn là tự nguyện trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2010 tại UBND thị trấn BĐ, huyện VY, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị không thể kiềm chế cảm xúc và thường xuyên có hành vi ngược đãi, hành hạ tâm lý nhau, xúc phạm

đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, chị thường xuyên bị bạo lực về tinh thần. Mặc dù hai bên đã cố gắng thay đổi, gia đình hai bên đã can thiệp, động viên, hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2021 và thuê nhà ra ngoài ở riêng cùng các con từ ngày 27/10/2021 đến nay. Dù anh H2 xác định vẫn còn tình cảm với chị và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị đã tích tụ rất nhiều năm, không thể hàn gắn được nữa, chị đã không còn tình cảm với anh H2 nên chị đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải nữa đồng thời chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2 để giải phóng cho cả hai bên.

Trong quá trình chung sống chị và anh H2 có 02 con chung là Phạm Hải Ph1, sinh ngày 17/10/2010 và Phạm Hải L1, sinh ngày 11/8/2012. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Khi chị chuyển ra ngoài ở riêng thì cả hai con chung đều ở cùng chị, nhưng nay anh H2 đã đón cháu Ph1 về ở cùng. Vì vậy về con chung chị nhất trí với ý kiến của anh H2 là để cho anh H2 nuôi dưỡng cháu Ph1 và chị nuôi dưỡng cháu L1. Trường hợp các cháu có nguyện vọng khác thì chị cũng tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị đang làm cán bộ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được thì chị sẽ làm đơn yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Anh chị không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Văn H2 trình bày:* Anh đăng ký kết hôn với chị Đào Thị H1 ngày 18/03/2010 tại UBND thị trấn BĐ, huyện VY, tỉnh Bắc Giang. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H1 nóng tính nên đôi khi vợ chồng không nói chuyện với nhau. Anh thừa nhận có đôi khi anh nóng tính nhưng anh hoàn toàn không hề bạo lực chị H1. Hiện nay anh và chị H1 đã ly thân do chị H1 đã thuê nhà ra ở riêng từ ngày 27/11/2021 đến nay. Mặc dù bản thân anh đã nhiều lần đến xin lỗi chị H1, động viên chị H1 về nhà, bạn bè gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng chị H1 không đồng ý quay về. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H1 nên anh không đồng ý ly hôn với chị H1 mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Bản thân anh sẽ cố gắng thay đổi bản thân, thường xuyên tâm sự với vợ để tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn.

Về con chung, anh và chị H1 có 02 con chung là Phạm Hải Ph1 , sinh ngày 17/10/2010 và Phạm Hải L1 , sinh ngày 11/8/2012. Hiện nay cháu Ph1 đang sống cùng anh còn cháu L1 đang sống cùng chị H1 . Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái và để các cháu được sống cùng với cả bố và mẹ. Trường hợp anh chị không thể hàn gắn được quan hệ hôn nhân thì anh có nguyện vọng mỗi người nuôi một con. Anh đề nghị Tòa giao cháu L1 cho chị H1 nuôi dưỡng và giao cháu Ph1 cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh đang công tác tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Lục Nam, thu nhập bình quân khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh xác định, anh chị không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu chứng cứ thu thập được:*

Tại biên bản làm việc ngày 27/01/2022, đại diện chính quyền địa phương nơi chị H1 , anh H2 cư trú cung cấp: Chị H1 và anh H2 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, phường MĐ và chung sống với nhau ở địa phương từ lâu. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn từ cuối năm 2021, vợ chồng chị H1 đánh chửi, xúc phạm nhau thường xuyên hơn. Cả cán bộ công an phường và bảo vệ tổ dân phố đã một vài lần phải đến can ngăn, hòa giải. Sau đó chị H1 đã đưa một con chuyển ra thuê chung cư sống. Vợ chồng chị H1 có hai con chung đều là con trai nhưng hiện nay mỗi người nuôi một con. Hiện cả chị H1 và anh H2 đều là cán bộ Ngân hàng, có thu nhập ổn định nhưng thu nhập cụ thể bao nhiêu địa phương không nắm được.

Các con chung của chị H1 và anh H2 có ý kiến: Cháu Phạm Hải Ph1 , sinh ngày 17/10/2010 trình bày hiện cháu đang ở với mẹ, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Cháu Phạm Hải L1 , sinh ngày 11/8/2012 trình bày hiện cháu đang ở với bố, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn ở với bố.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Chị H1 , anh H2 đều có mặt tại phiên họp và phiên hòa giải nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu nên hòa giải không thành.

Ngày 10/3/2022, Tòa án đã mở phiên tòa. Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt vì bị Covid-19. Anh H2 có đơn đề nghị hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Đến ngày 17/3/2022, Tòa án mở lại phiên tòa. Chị H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H2 trực tiếp đến Tòa án nộp đơn đề nghị hoãn phiên tòa kèm

theo Quyết định áp dụng biện pháp cách ly, điều trị tại nhà ngày 16/3/2022 do anh bị nhiễm Covid-19. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H2 vắng mặt không có lý do. Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi phát biểu: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự (vắng mặt không lý do tại phiên tòa). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Đào Thị H1 được ly hôn anh Phạm Văn H2 ; giao con chung là cháu Phạm Hải Ph1 , sinh ngày 17/10/2010 cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Hải L1 , sinh ngày 11/8/2012 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh H2 sinh sống trên địa bàn thành phố BGi nên Tòa án nhân dân thành phố BGi thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H1 và anh Phạm Văn H2 kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2010 và được UBND thị trấn BD , huyện VY , tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp, đúng với quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quá trình chung sống của vợ chồng: Chị H1 và anh H2 đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn. Chị H1 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chia sẻ được với nhau về tình cảm, chị cảm thấy bản thân như bị bạo lực tinh thần. Anh H2 trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H1 nóng tính nên vợ chồng không nói chuyện, chia sẻ được với nhau. Đại diện chính quyền địa phương cũng xác nhận đã một vài lần phải can thiệp, hòa giải việc đánh nhau của vợ chồng anh H2 chị H1 . Chị H1 đã thuê nhà ra ngoài ở riêng, vợ chồng đã ly thân từ khoảng cuối năm 2021. Dù anh H2

tha thiết đề nghị Tòa án hòa giải để đoàn tụ với chị H1 nhưng chị H1 vẫn kiên quyết ly hôn với anh H2 và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh H2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hòa giải đoàn tụ gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H1 và xử cho chị H1 được ly hôn anh H2 là phù với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H1 và anh H2 có hai con chung là Phạm Hải Ph1, sinh ngày 17/10/2010 và Phạm Hải L1, sinh ngày 11/8/2012. Trước khi hòa giải, cháu Ph1 trình bày có nguyện vọng ở với mẹ, cháu L1 có nguyện vọng ở với bố. Nhưng hiện tại, cháu Ph1 đã chuyển về ở cùng anh H2 và cháu L1 đang ở cùng chị H1, các cháu đều tự nguyện về ở cùng bố, mẹ và bản thân chị H1, anh H2 cũng thống nhất để các con ở với mình như hiện tại. Hội đồng xét xử thấy, cháu L1 còn nhỏ, cần sự tỉ mỉ, chu đáo của người mẹ, cháu Ph1 là con trai lớn ở với bố sẽ tiện cho sinh hoạt và phát triển tâm sinh lý của cháu. Do vậy, để các cháu có cuộc sống ổn định, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị H1 giao cháu L1 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cho anh H2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ph1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.1] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.2] Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự xác định không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đào Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### 2.Xử:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị H1 được ly hôn anh Phạm Văn Huyền.

2.2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Phạm Hải L1, sinh ngày 11/8/2012 cho chị Đào Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Phạm Hải Ph1, sinh ngày 17/10/2010 cho anh Phạm Văn H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng con chung đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

2.3. *Về án phí*: Chị Đào Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H1 đã nộp theo biên lai số 0001238 ngày 01/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi.

2.4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

3. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố BGi ;
- CCTHADS thành phố BGi ;
- UBND thị trấn BĐ, huyện VY ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**